

Số: 07 /TTr-DKĐĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô;

- Căn cứ Quy chế tài chính của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán với các nội dung chính như sau: (Kèm theo báo cáo tài chính 2022 đã được kiểm toán)

- Tổng tài sản:	323,98 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu:	227,23 tỷ đồng
- Vốn điều lệ:	500 tỷ đồng
- Doanh thu, thu nhập khác:	40,44 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	1,858 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	1.858 tỷ đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, TCHC, TCKT



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 – 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 – 34
Bảng cân đối kế toán	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam) là Công ty Cổ phần được thành lập theo nghị quyết số 1771/NQ-DKVN ngày 08/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103017950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 15/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 06 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	
Ông Phan Minh Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Khánh Trung	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Đông	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
Ông Hoàng Thanh Tùng	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28/04/2022)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Minh Tâm	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Giám đốc
Ông Ngô Duy Chính	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Hải Hà	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
Bà Đỗ Nguyễn Lan Châu	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
Bà Nguyễn Minh Chi	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28/04/2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phan Minh Tâm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được lập ngày 07/03/2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 280322.061/BCTC.KT5 ngày 28/02/2022 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu, phải trả, vốn góp đầu tư và giá trị thuần có thể thực hiện được của một số công trình xây lắp. Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty xử lý, khắc phục do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, cụ thể như sau:

Các khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 với giá trị lần lượt là 62,83 tỷ VND và 29,17 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021 với giá trị lần lượt là: 49,67 tỷ VND và 25,53 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2022 là 23,03 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.

Chúng tôi không đánh giá được chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá trị thuần có thể thực hiện được, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập đối với các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện sông Hậu 1, chung cư Trần Anh - Long An. Giá trị dở dang của 03 công trình này

đang được theo dõi trên chỉ tiêu "Hàng tồn kho" của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 với giá trị lần lượt là 65,74 tỷ VND và 61,21 tỷ VND (xem thuyết minh 9).

Chúng tôi không xác định được khả năng thu hồi và khoản dự phòng cần trích lập đối với khoản vốn góp đầu tư vào dự án Dolphin Plaza. Khoản vốn góp này đang được theo dõi trên chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 với giá trị lần lượt là 37,1 tỷ VND và 27,2 tỷ VND (xem thuyết minh 13b).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2023

Trần Thị Mai Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0593-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		246.228.554.618	242.493.696.424
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.264.002.143	21.830.162.655
111	1. Tiền		2.792.393.915	10.530.162.655
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.471.608.228	11.300.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	53.289.315.068	52.420.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		300.000.000	300.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		52.989.315.068	52.120.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		89.891.738.349	77.163.013.185
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	64.391.114.458	52.090.898.737
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	13.893.517.046	9.464.142.823
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	32.234.270.677	42.535.135.457
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.627.163.832)	(26.927.163.832)
140	IV. Hàng tồn kho	9	87.291.118.458	82.641.705.978
141	1. Hàng tồn kho		87.291.118.458	82.641.705.978
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.492.380.600	8.438.814.606
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		9.599.227	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.397.736.573	5.438.814.606
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	85.044.800	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	13	-	3.000.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		77.759.305.242	86.238.422.693
220	I. Tài sản cố định		17.450.506.197	15.931.161.999
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	17.450.506.197	15.931.161.999
222	- Nguyên giá		29.894.821.820	27.652.162.931
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.444.315.623)	(11.721.000.932)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		140.846.000	140.846.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(140.846.000)	(140.846.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	12	11.696.733.792	12.054.639.166
231	- Nguyên giá		15.032.025.756	15.032.025.756
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.335.291.964)	(2.977.386.590)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	21.079.143.617	21.152.081.794
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		48.428.000.000	45.428.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27.348.856.383)	(24.275.918.206)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		27.532.921.636	37.100.539.734
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		299.617.196	-
268	2. Tài sản dài hạn khác	13	27.233.304.440	37.100.539.734
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		323.987.859.860	328.732.119.117

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		96.756.212.137	103.358.724.595
310	I. Nợ ngắn hạn		96.756.212.137	103.358.724.595
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	31.468.125.934	37.456.260.884
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	10.447.083.598	11.216.355.340
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	71.958.705	79.844.379
314	4. Phải trả người lao động		2.758.805.164	2.451.168.755
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4.749.179.514	4.663.479.514
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	47.261.059.222	47.448.169.772
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	43.445.951
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		227.231.647.723	225.373.394.522
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	227.231.647.723	225.373.394.522
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		500.000.000.000	500.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		500.000.000.000	500.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.344.727.377	18.344.727.377
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.531.782.406	5.531.782.406
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(296.644.862.060)	(298.503.115.261)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(298.503.115.261)	(299.420.357.916)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		1.858.253.201	917.242.655
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		323.987.859.860	328.732.119.117



Lê Thị Nguyên
Người lập biểu



Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng


Phan Minh Tâm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	37.001.454.779	137.227.848.365
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.001.454.779	137.227.848.365
11	3. Giá vốn hàng bán	22	30.989.198.544	135.931.673.087
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.012.256.235	1.296.175.278
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.155.250.611	201.440.107
22	6. Chi phí tài chính	24	3.072.938.177	128.394.443
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	336.715.750
25	7. Chi phí bán hàng	25	287.863.171	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.837.719.669	18.179.578.001
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.968.985.829	(16.810.357.059)
31	10. Thu nhập khác	27	283.733.307	17.862.599.714
32	11. Chi phí khác	28	394.465.935	-
40	12. Lợi nhuận khác		(110.732.628)	17.862.599.714
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.858.253.201	1.052.242.655
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>1.858.253.201</u>	<u>1.052.242.655</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	37	21

Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng

Phan Minh Tâm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.858.253.201	1.052.242.655
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(5.301.092.369)	(40.170.096.787)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.081.220.065	1.138.822.304
03	- Các khoản dự phòng		(3.227.061.823)	(41.444.194.734)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.155.250.611)	(201.440.107)
06	- Chi phí lãi vay		-	336.715.750
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.442.839.168)	(39.117.854.132)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(6.060.469.538)	(8.875.149.202)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.350.587.520	162.748.521.191
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(5.691.831.213)	163.689.818
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(309.216.423)	10.912.501
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(25.290.276.622)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(85.044.800)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	28.200.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(43.445.951)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.282.259.573)	89.668.043.554
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.242.658.889)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(60.869.315.068)	(50.420.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		60.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.828.073.018	201.440.107
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.283.900.939)	(50.218.559.893)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		-	(20.851.170.658)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(23.851.170.658)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.566.160.512)	15.598.313.003
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		21.830.162.655	6.231.849.652
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	9.264.002.143	21.830.162.655



Lê Thị Nguyên
Người lập biểu


Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng




Phan Minh Tâm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2023